TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 24 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đoàn Thân và ông Lê Văn Ký.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2024, đối với:

- *Các bị cáo:*

1. Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 26/12/1983, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị N; có vợ là: Tống Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/08/2023 đến ngày 18/08/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Nguyễn Văn L, sinh ngày 30/03/1995, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H1 (đều đã chết); tiền án: ngày 22/07/2021, bị toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/05/2023; tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị tạm giữ từ ngày 09/08/2023 đến ngày 18/08/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

3. Trần Đức H2, sinh ngày 24/01/1979, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức G và bà Mai Thị Đ1; tiền án: ngày 24/04/2019, bị Tòa án

nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/04/2020; ngày 28/03/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/05/2023; tiền sự: không; nhân thân: ngày 31/05/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 24 tháng, chấp hành xong hình phạt ngày 16/01/2023. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/08/2023 đến ngày 19/08/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

4. Trương Văn P, sinh ngày 13/09/1981, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Trương Thị N1; có vợ là: Nguyễn Thị T1 và có 02 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 27/07/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa quyết định cai nghiện các chất ma túy dạng thuốc phiện bằng chất thay thế Methadone, thời gian cai nghiện từ ngày 26/07/2022 đến ngày 26/07/2023; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/08/2023 đến ngày 18/08/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

5. Bùi Công T2, sinh ngày 03/06/1986, tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh V1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V2; có vợ là: Trương Thị L1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 17/08/2023 đến ngày 20/08/2023 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thanh Hóa đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Mai Văn T3, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Lê Thị T4, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Chị Trương Thị L1, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 05 phút, ngày 08/8/2023, tại nhà Nguyễn Văn L ở thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Hữu Đ rủ Nguyễn Văn L, Trương Văn P góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng, L và P đều đồng ý. Đ góp 50.000 đồng, L góp

100.000 đồng. P nói với Đ "anh góp 200.000 đồng nhưng phải chờ anh đi vay tiền". Sau khi cả ba thống nhất, L lấy điện thoại của mình gọi cho Trần Đức H2 qua ứng dụng Messenger nhờ H2 đến nhà L lấy tiền đi mua ma túy về cùng L, Đ, P sử dụng thì H2 đồng ý. Sau khi nhờ được H2 thì L và Đ đi vào nhà. Tại buồng ngủ của L, Đ lấy 50.000 đồng đưa cho L, còn P đi đến nhà anh Nguyễn Văn T5 vay số tiền là 300.000 đồng. Sau khi nói chuyện với L xong, H2 gọi điện thoại cho Bùi Công T2 để hỏi mua 01 (một) gói ma túy với giá 400.000 đồng, T2 đồng ý và hẹn H2 đến khu vực cống gần đường C, thuộc thôn K, xã L để lấy ma túy. H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu JUPITER màu đen, biển kiểm soát 36M6-7322 đi đến nhà L để lấy tiền. Khi đến nơi, L đưa cho H2 150.000 đồng. H2 cầm tiền rồi đi ra cổng chờ P về để lấy thêm tiền đi mua ma túy. Khoảng 15 phút sau, P đi về bảo với mọi người là vay được tiền, sau đó cùng H2 đi mua ma túy. Khi đến chân cầu vượt đường C, H2 bảo P đưa tiền cho H2 và đứng chờ tại đây. P đưa cho H2 số tiền 300.000 đồng vừa vay được. H2 cầm tiền rồi đi đến chỗ T2 đã hẹn. Tại đây, H2 đợi khoảng 05 phút thì thấy T2 đi bộ đến. H2 mua của T2 01 (một) gói bọc giấy bạc, bên trong chứa chất bột màu trắng ngà là ma túy, loại Heroine và đưa cho T2 số tiền 450.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, H2 quay lại đón P đi về nhà L.

Khi về đến nhà L, H2 đưa cho L 10.000 đồng rồi bảo L đi mua xilanh và nước cất. L cầm tiền rồi đến hiệu thuốc Thu C ở đường G, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, gặp chị Mai Thị T6 là chủ hiệu thuốc mua 04 xilanh và 03 lọ nước cất sau đó mang về nhà mình để trên giường trong phòng ngủ. Lúc này, H2 đưa gói ma túy vừa mua được cho L, L lấy hết số ma túy ra pha vào một xilanh, Đ bóc 03 xilanh còn lại rồi đặt hết trên giường. Sau khi L pha ma túy xong lắc đều rồi chia thành 04 xilanh đặt hết trên giường. Đ thấy vậy lấy 01 xilanh để cho H2 sử dụng đồng thời Đ lấy 01 xilanh để sử dụng, P và L mỗi người lấy 01 xilanh để sử dụng. Khi vừa sử dụng ma túy xong thì lực lượng Công an vào kiểm tra, phát hiện thì Đ, P và L vứt xilanh vừa sử dụng ma túy vào trong xô rác ở phòng ngủ của L, còn H2 cầm theo xilanh của mình vừa sử dụng xong chạy ra ngoài vườn vứt lại rồi bỏ trốn. Tổ công tác đã thu giữ và niêm phong: 01 (một) mảnh giấy bạc, trên mảnh giấy bạc có chất bám dính màu trắng ngà, nghi là ma túy có ký hiệu "M", 03 xilanh trong xô rác, trong đó của Nguyễn Hữu Đ có ký hiệu "M1", của Trương Văn P có ký hiệu "M2" và của Nguyễn Văn L có ký hiệu "M3", 01 xilanh ở ngoài vườn có ký hiệu "M4" cùng một số đồ vật tài liệu liên quan. Tại chỗ L, Đ, P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Ngày 16/08/2013, Trần Đức H2 đến Cơ quan Công an huyện H đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Bùi Công T2, cơ quan điều tra Công an huyện H 01 (một) túi nilon màu trắng, mép túi có viền màu đỏ, bên trong chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng, 01 mảnh viên nén màu hồng, tất cả được niêm phong trong phong bì có ký hiệu "vụ Bùi Công T2".

Tại cơ quan điều tra, Bùi Công T2 khai nhận: khoảng 18 giờ ngày 08/08/2023, T2 đến khu vực thành phố T, tỉnh Ninh Bình tìm mua ma túy với mục

đích vừa sử dụng vừa bán để kiếm lời. Khi đi đến cầu (không xác định được cụ thể) tại thành phố T thì T2 mua một người đàn ông không quen biết 01 gói ma túy loại Heroine và 01 túi bên trong chứa 06 viên ma túy hồng phiến loại Methamphetamine, với tổng số tiền là 1.150.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T2 đi về nhà lấy một ít Heroine trộn lẫn với 42 viên hồng phiến để sử dụng sử, H3 còn lại T2 bán cho H2 lấy số tiền 450.000 đông; 04 viên hồng phiền còn lại T2 cất ở góc nhà trong phòng ngủ của mình để sử dụng và khi có người hỏi mua sẽ bán kiếm lời, số ma túy này Công an đã thu giữ khi khám xét khẩn cấp nơi ở của T2.

Tại bản kết luận giám định số 2956/KL-KTHS ngày 16/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *"chất màu trắng bám dính trên mảnh giấy bạc màu vàng của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H). Không xác định được khối lượng chất ma túy"*.

Tại bản kết luận giám định số 5937/KL-KTHS ngày 17/8/2023 của V3 Bộ C2 kết luận: *"tìm thấy chất ma túy Morphine và C1 trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu Đ và Trương Văn P gửi giám định. Morphine và C1 cũng là sản phẩm chuyển hóa của nhóm ma túy O (Heroine, thuốc phiện...) trong cơ thể"*.

Tại bản kết luận giám định số 3029/KL-KTHS ngày 23/8/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *"04 (bốn) viên nén hình trụ tròn màu hồng và 01 (một) mảnh nén màu hồng của phong bị niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng (trọng lượng) 0,466g (không phẩy bốn sáu sáu gam) loại: Methamphetamine"*.

Tại bản kết luận giám định số 5938/KL-KTHS ngày 19/9/2023 của V3 Bộ C2 kết luận: *"trong các xilanh (ký hiệu M1, M2, M3, M4) gửi giám định đều có máu người. Trong đó: Dấu vết máu người trong chiếc xilanh (ký hiệu MI) là máu của Nguyễn Hữu Đ. Dấu vết máu người trong chiếc xilanh (ký hiệu M2) là máu của Trương Văn P. Dấu vết máu người trong chiếc xilanh (ký hiệu M3) là máu của Nguyễn Văn L. Dấu vết máu người trong chiếc xilanh (ký hiệu M4) là máu của một người nam giới không phải Trương Văn P, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu Đ"*.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 mảnh giấy bạc, trên mảnh giấy bạc có chất bám dính màu trắng ngà được niêm phong trong phong bì có ký hiệu "M"; 04 xilanh được đựng trong các phong bì niêm phong có các ký hiệu "M1", "M2", "M3" và "M4" và các mẫu tóc ghi thu của Trương Văn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu Đ được đựng trong phong các bì niêm phong có các ký hiệu "Mẫu tóc Trương Văn P", "Mẫu tóc Nguyễn Văn L" và "Mẫu tóc Nguyễn Hữu Đ"; 01 túi nilon màu trắng, mép túi có viền màu đỏ, bên trong chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng, 01 mảnh viên nén màu hồng được đựng trong trong phong bì niêm phong có ký hiệu "vụ Bùi Công T2"; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bên trong gắn sim số 0329232650; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu tím, bên trong gắn sim số 0962996637; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bên trong gắn sim số 0984764180; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, bên trong có gắn sim số 0983835808.

Cáo trạng số 92/CT-VKSHT ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L và Trương Văn P về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Đức H2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố Bùi Công T2 về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trương Văn P và Trần Đức H2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tuyên bố bị cáo Bùi Công T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Trương Văn P; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L; Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 255; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức H2; Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Công T2. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Xử phạt: các bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù, Nguyễn Văn L từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù, Trần Đức H2 từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù, Trương Văn P từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù, Bùi Công T2 từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, bên trong có chứa vỏ bao gói mở niêm phong; 0,296g ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được dán kín, bên trong có chứa toàn bộ vỏ bao gói niêm phong, 01 mảnh giấy bạc màu vàng hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong do V3 Bộ C2 phát hành, bên trong có chứa 04 chiếc xilanh bằng nhựa, các mẫu tóc ghi thu của Trương Văn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu Đ hoàn lại sau giám định.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu tím, bên trong gắn sim số 0962996637; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, bên trong có gắn sim số 0984764180; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04, bên trong gắn sim số 0983835808.

Trả lại cho Nguyễn Hữu Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, có gắn sim điện thoại số 0329232650, đã qua sử dụng.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đối với bị cáo Bùi Công T2.

- Về án phí: buộc các bị cáo, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục, thẩm quyền và hợp pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về tội danh: lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: tối ngày 08/8/2023, tại nơi ở của Nguyễn Văn L tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trần Đức H2 và Trương Văn P đã tổ chức cho nhau sử dụng trái phép chất ma túy, loại Heroine. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trần Đức H2 và Trương Văn P đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Trần Đức H2, tại bản án số 18/2022/HS-ST ngày 28/03/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đã xử phạt bị cáo 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", trong bản án này đã áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là "Tái phạm". Do bị cáo chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm", quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Bùi Công T2 đã có hành vi bán trái phép chất ma túy, loại Heroin vào ngày 08/08/2023 cho Trần Đức H2, ngoài ra còn tàng trữ trái phép 0,466 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Do đó, hành vi của Bùi Công T2 là độc lập và đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trương Văn P về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Đức H2 về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Bùi Công T2 về tội "Mua bán trái phép

chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo Bùi Công T2, do T2 không biết danh tính của người này; đối với Mai Thị T6 là người bán xilanh và nước cất cho Nguyễn Văn L nhưng chị T6 không biết L mua với mục đích tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; đối với chị Lê Thị T4 (chị dâu của Nguyễn Văn L) cùng nơi ở với L nhưng lại ở căn nhà khác nên chị T4 không biết L cùng đồng phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; đối với Trương Thị L1 (vợ của Bùi Công T2) không biết việc T2 mua ma túy về để bán; đối với anh Mai Văn T3 cho H2 mượn xe mô tô biển kiểm soát 36M6-7322 nhưng anh T3 không biết H2 sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy; đối với anh Nguyễn Văn T5 cho Trương Văn P vay số tiền 300.000 đồng nhưng anh T5 không biết P vay tiền để mua ma túy về sử dụng. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị T6, chị T4, chị L1, anh T3 và anh T5.

[3]. Xét tính chất, vai trò và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt của các bị cáo trong vụ án:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma tuý. Đây là chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ con người, là một trong những nguyên nhân chính gây ra các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, đối với hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", Nguyễn Hữu Đ giữ vai trò là người khởi xướng; Nguyễn Văn L chuẩn bị địa điểm, nhờ Trần Đức H2 mua ma túy, trực tiếp mua xilanh, pha ma túy vào các xilanh cho Đ, P và Đ2 cùng sử dụng, rủ Trần Đức H2 cùng tham gia tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Trần Đức H2 trực tiếp đi mua ma túy và đưa tiền cho Nguyễn Văn L đi mua xilanh và nước cất về cùng tổ chức sử dụng; Trương Văn P cùng Trần Đức H2 đi mua ma túy để về cùng sử dụng. Đối với hành vi bán trái phép chất ma túy của Bùi Công T2 cho Trần Đức H2 và tàng trữ ma túy để sử dụng và bán kiếm lời là hành vi độc lập trong vụ án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", do đó T2 không đồng phạm với các bị cáo Đ, L, H2 và P về hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Tại bản án hình sự số 208/2021/HS-ST ngày 22/07/2021 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đã xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Trần Đức H2, Trương Văn P và Bùi Công T2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Đức H2 đầu thú và có bố đẻ là người có công với cách mạng được coi là

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Nguyễn Hữu Đ là đối tượng khởi xướng nên phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án, Nguyễn Văn L là đối tượng có nhân thân xấu, là người thực hành tích cực và có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" nên L cũng phải chịu mức hình phạt ngang bị cáo Đ là phù hợp. Đối với bị cáo Trần Đức H2 cũng là là đối tượng có nhân thân xấu, có hai tiền án và cũng là đối tượng thực hành tích cực, do đó H2 phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo Đ và L, tuy nhiên H2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên H2 cũng phải chịu mức hình phạt ngang các bị cáo Đ và L. Đối với bị cáo Trương Văn P cũng là đối tượng có nhân thân xấu, tuy nhiên P giữ vai trò không đáng kể, do đó P chỉ phải chịu mức hình phạt thấp nhất so với các bị cáo Đ, L và H2 trong hành vi "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Đối với Bùi Công T2 có hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" độc lập với hành vi của các bị cáo khác trong vụ án. Do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 mảnh giấy bạc, trên mảnh giấy bạc có chất bám dính màu trắng ngà được niêm phong trong phong bì có ký hiệu "M" do Phòng K Công an tỉnh T phát hành; 03 xilanh trong xô rác, trong đó của Nguyễn Hữu Đ được đựng trong phong bì niêm phong có ký hiệu "M1", của Trương Văn P được đựng trong phong bì niêm phong có ký hiệu "M2" và của Nguyễn Văn L được đựng trong phong bì niêm phong có ký hiệu "M3", 01 xilanh ở ngoài vườn được đựng trong phong bì niêm phong có ký hiệu "M4". Đây là những vật chứng liên quan đến tội phạm, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với các mẫu tóc ghi thu của Trương Văn P, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu Đ được đựng trong các phong bì niêm phong có các ký hiệu "Mẫu tóc Trương Văn P", "Mẫu tóc Nguyễn Văn L" và "Mẫu tóc Nguyễn Hữu Đ". Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong do V3 Bộ C2 phát hành. Đây là những vật chứng làm mẫu so sánh liên quan đến tội phạm nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với 01 túi nilon màu trắng, mép túi có viền màu đỏ, bên trong chứa 04 viên nén hình trụ tròn màu hồng, 01 mảnh viên nén màu hồng được đựng trong trong phong bì niêm phong có ký hiệu "vụ Bùi Công T2" có khối lượng 0,296g ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định. Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Phòng K Công an tỉnh T phát hành. Đây là vật cấm lưu hành tàng trữ và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bên trong có gắn sim số 0329232650, thu giữ của Nguyễn Hữu Đ không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu tím, bên trong có gắn sim số 0962996637, thu giữ của Nguyễn Văn L; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bên trong có gắn sim số 0984764180, thu giữ của

Trần Đức H2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, bên trong có gắn sim số 0983835808, thu giữ của Bùi Công T2 là những vật chứng mà các bị cáo sử dụng liên quan đến tội phạm nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 450.000 đồng là tiền bị cáo Bùi Công T2 có được do phạm tội mà có, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết nên phải truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[6]. Hình phạt bổ sung: các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ và Trương Văn P. Điểm b khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn L. Điểm b, h khoản 2 Điều 255, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Đức H2; Khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Công T2.

Căn cứ vào: Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trương Văn P, Trần Đức H2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Bùi Công T2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 09/08/2023.

- Bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 09/08/2023.

- Bị cáo Trần Đức H2 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 16/08/2023.

- Bị cáo Trương Văn P 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 09/08/2023.

- Bị cáo Bùi Công T2 27 (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 17/08/2023.

3. Vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, được dán kín, bên trong có chứa vỏ bao gói mở niêm phong; 0,296g ma túy Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong do Phòng K Công an tỉnh T phát hành được dán kín, bên trong có chứa toàn bộ vỏ bao gói niêm phong, 01 mảnh giấy bạc màu vàng hoàn lại sau giám định; 01 (một) phong bì niêm phong do V3 Bộ C2 phát hành được dán kín, bên trong có chứa 04 chiếc xilanh bằng nhựa, các mẫu tóc ghi thu của Trương Văn P, Nguyễn Văn L, Nguyễn Hữu Đ hoàn lại sau giám định.

Tịch thu sung, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi có gắn sim điện thoại số 0962996637; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA có gắn sim điện thoại số 0984764180; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04 có gắn sim diện thoại số 0983835808.

Trả lại cho Nguyễn Hữu Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, có gắn sim điện thoại số 0329232650.

Đặc điểm của những vật chứng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng) đối với bị cáo Bùi Công T2.

4. Về án phí: buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trương Văn P, Trần Đức H2 và Bùi Công T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Hà Trung;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hà Trung;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Hà Trung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Văn Nam